HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **PHƯỜNG BẠCH ĐẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 37 /NQ-HĐND	*Bạch Đằng, ngày 04 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc giao biên chế cán bộ, công chức khối chính quyền; viên chức và hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND phường năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG BẠCH ĐẰNG
KHOÁ II, KỲ HỌP THỨ 7 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 106/2025/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và việc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoạt động chuyên trách;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; số 370/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP; số 361/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 về vị trí việc làm công chức; số 232/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 về vị trí việc làm viên chức; số 235/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 332/NQ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về số lượng cấp phó của phòng chuyên môn và tương đương, Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 19/2023/TTBGD&ĐT và Thông tư số 20/2023/TTBGD&ĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và các trường chuyên biệt công lập; Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về cơ cấu, số lượng và một số chính sách đối 2 với hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc, nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về giao biên chế của thành phố năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 4112/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải phòng về việc giao biên chế, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động của thành phố năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 4145/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải phòng về số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Thông báo kết luận số 271-TB/ĐU ngày 22 tháng 10 năm2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy về giao biên chế; số lượng người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố và số lượng người tham gia hoạt động ở tổ dân phố hưởng phụ cấp, mức hỗ trợ hằng tháng từ ngân sách nhà nước; bầu tổ trưởng tổ dân phố nhiệm kỳ 2025 -2030 trên địa bàn phường Bạch Đằng.

Xét Tờ trình số 167/TTr-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường về việc giao biên chế cán bộ, công chức khối chính quyền; viên chức và hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND phường năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 12/BVHXH ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân phường; các ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định giao biên chế cán bộ, công chức khối chính quyền; viên chức và hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND phường năm 2026, như sau:

1. Tổng số biên chế cán bộ, công chức khối chính quyền là: **51** chỉ tiêu; cụ thể:

- Biên chế cơ quan Hội đồng nhân dân: 03 chỉ tiêu;

- Biên chế cơ quan Ủy ban nhân dân: 48 chỉ tiêu.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Tổng số viên chức và hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập là: **632** chỉ tiêu; cụ thể:

- Biên chế viên chức: **544** chỉ tiêu; trong đó:

+ Khối Mầm non: 191 chỉ tiêu;

+ Khối Tiểu học: 165 chỉ tiêu;

+ Khối THCS: 156 chỉ tiêu;

+ Trạm Y tế: 32 chỉ tiêu;

+ Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công: 0 chỉ tiêu.

- Hợp đồng lao động: **88** chỉ tiêu; trong đó:

+ Khối Mầm non: 11 chỉ tiêu;

+ Khối Tiểu học: 38 chỉ tiêu;

+ Khối THCS: 36 chỉ tiêu;

+ Trạm y tế: 03 chỉ tiêu;

+ Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công: 0 chỉ tiêu.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này bảo đảm đúng các quy định của pháp luật, các quy định về sắp xếp, tinh gọn bộ máy, trong đó:

a) Giao biên chế đến các cơ quan, đơn vị trên cơ sở chỉ tiêu được Hội đồng nhân dân phường giao;

b) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phường quản lý, sử dụng biên chế được giao theo Nghị quyết này.

c) Trường hợp điều động, bố trí cán bộ, công chức, viên chức giữa các cơ quan, đơn vị hoặc thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy làm phát sinh việc điều chỉnh biên chế cán bộ, công chức, viên chức giữa các cơ quan, đơn vị, giao Ủy ban nhân dân phường báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân phường xem xét, cho ý kiến trước khi thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng nhân dân phường thông qua và thay thế các Nghị quyết: số 29/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026; số 14/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026, số 19/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường khóa II, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân phường Bạch Đằng khóa II, Kỳ họp thứ 7 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 04 tháng 11 năm 2026./.

Nơi nhận:
- TT HĐND, UBND thành phố (b/c);
- Sở Nội vụ thành phố (b/c);
- TT ĐU, TTHĐND, UBND phường;
- UBMTTQ VN phường;
- Các phòng chuyên môn, TTPVHC;
- Đại biểu HĐND phường;
- Lưu: VT, HSKH.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Ba

Phụ lục I

BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC KHỐI CHÍNH QUYỀN NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 37 /NQ-HĐND ngày 04/11/2026 của HĐND phường Bạch Đằng)

STT	Cơ quan, tổ chức	Biên chế tạm giao năm 2026	Biên chế giao năm 2026	Tăng, giảm so với số tạm giao năm 2026 (+-)	Ghi chú
A	**B**	**1**	**2**	**3=2-1**	
I	**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG**	**03**	**03**	**0**	
II	**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG**	**52**	**48**	**-4**	
1	Lãnh đạo UBND	03	04	01	
2	Văn phòng HĐND và UBND	13	12	-1	
3	Phòng Văn hóa - Xã hội	12	11	-1	
4	Phòng Kinh tế	07	07	0	
5	Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường	09	09	0	
6	Trung tâm Phục vụ hành chính công	05	05	0	
7	Ban Chỉ huy Quân sự	03	0	-3	
	Tổng cộng	**55**	**51**	**-4**	

Phụ lục II
BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP PHƯỜNG BẠCH ĐẰNG
(Kèm theo Nghị quyết số 37 /NQ-HĐND ngày 04/11/2026 của HĐND phường Bạch Đằng)

STT	Đơn vị	Số lượng người làm việc tạm giao năm 2026		Số lượng người làm việc giao năm 2026		Tăng, giảm so với số tạm giao năm 2026		Ghi chú
		Viên chức hưởng lương NSNN	HĐLĐ hưởng lương NSNN	Viên chức NLV hưởng lương NSNN	HĐLĐ hưởng lương NSNN	Viên chức hưởng lương NSNN	HĐLĐ hưởng lương NSNN	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5=3-1*	*6=4-2*	
I	**MẦM NON**	**202**	**07**	**191**	**11**	**-11**	**04**	
1	Mầm non Bạch Đằng	61	02	57	03	-4	01	
2	Mầm non Tân Đức	89	03	83	05	-6	02	
3	Mầm non Ngũ Lão	52	02	51	03	-1	01	
II	**TIỂU HỌC**	**187**	**22**	**165**	**38**	**-22**	**16**	
1	Tiểu học Bạch Đằng	46	08	35	10	-11	02	
2	Tiểu học Minh Đức	39	04	37	09	-2	05	
3	Tiểu học Minh Tân	45	05	40	09	-5	04	
4	Tiểu học Ngũ Lão	57	05	53	10	-4	05	
III	**TRUNG HỌC CƠ SỞ**	**162**	**27**	**156**	**36**	**-6**	**09**	
1	THCS Bạch Đằng	73	14	69	20	-4	06	
2	THCS Trần Quốc Bảo	89	13	87	16	-2	03	
IV	**TRẠM Y TẾ**	**36**	**03**	**32**	**03**	**-4**	**0**	
V	**TRUNG TÂM DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG**	**07**	**0**	**0**	**0**	**-7**	**0**	
	TỔNG CỘNG	**594**	**59**	**544**	**88**	**-50**	**29**	